

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Thanh Bình

2/Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HN ngày 7/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST – HNGĐ ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Mạc Thị T L, sinh năm 1990 (có mặt)*

ĐKHKT: ấp T H, xã T T, huyện B T, Vĩnh Long.

Tạm trú: Tổ 19, ấp T T A, xã T A, thị xã B M, Vĩnh Long.

** Bị đơn: Anh Trần Trí N, sinh năm 1987 (vắng mặt)*

ĐKHKT: Tổ 20, ấp T H, xã T T, Bình Tân, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 30/12/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Mạc Thị T L trình bày:*

Vào năm 2010 chị Mạc Thị T L và anh Trần Trí N quen biết với nhau và có tìm hiểu trước, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ. Nữ trang ngày cưới: cha mẹ chồng không tặng cho nữ trang cưới. Chị L và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/11/2011.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại ấp T H, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và sống hạnh phúc được 08 năm nên có 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 08/5/2015 hiện đang sống với chị L.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau do đời sống, kinh tế, tiền bạc chi tiêu trong gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Vợ chồng nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Cho nên vào tháng 10/2018 chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột cư ngụ ấp T T A, xã T A, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long ở cho đến nay và vợ chồng cũng ly thân kể từ ngày đó. Hiện nay chị L và anh N mỗi người có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Mạc Thị T L xin ly hôn với anh Trần Trí N.
 - Về con chung: Có 02 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 08/5/2015, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.
 - Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.
Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa:

- Chị L trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau do đời sống, kinh tế, tiền bạc chi tiêu trong gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Vợ chồng nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Cho nên vào tháng 10/2018 chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột cư ngụ ấp T T A, xã T A, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long ở cho đến nay và vợ chồng cũng ly thân kể từ ngày đó. Hiện nay chị L và anh N mỗi người có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Mạc Thị T L xin ly hôn với anh Trần Trí N.
 - Về con chung: Có 02 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 08/5/2015, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.
 - Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bằng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có

trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thành Trung, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Trần Trí N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010, chị Mạc Thị T L và anh Trần Trí N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, thị xã B M, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/11/2011, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống thì chị L và anh N thường xuyên bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình gặp khó khăn nên thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị L và anh N đã ly thân với nhau từ tháng 10/2018 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chị L xin ly hôn anh N. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị L.

[4] Xét về con chung: Chị Mạc Thị T L và anh Trần Trí N sống chung với nhau có sinh được 02 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 08/5/2015, hiện đang sống với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu 2 cháu, để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của 2 cháu không bị thay đổi nên để cho chị L tiếp tục nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, không trái quy định của pháp luật. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị L.

Anh Trần Trí N được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về quan hệ tài sản: chị Mạc Thị T L và anh Trần Trí N không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Mạc Thị T L nộp 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011350 ngày 18/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Mạc Thị T L.

1/Về quan hệ hôn nhân: chị Mạc Thị Thúy Liễu được ly hôn anh Trần Trí N.

2/Về con chung: Chị Mạc Thị T L được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 08/5/2015, đến khi 2 cháu tròn 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Trí N được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

3/Về quan hệ tài sản: chị Mạc Thị T L và anh Trần Trí N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Mạc Thị T L nộp 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011350 ngày 18/02/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Mạc Thị T L. biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kê từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Trí

N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- UBND xã Thuận An,
Bình Minh, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thành Tự